

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Viện và Viện trưởng Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng (sau đây gọi tắt là Viện) là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH), thực hiện chức năng nghiên cứu ứng dụng, giải mã và làm chủ công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới nổi; tổ chức thực nghiệm, hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật và đóng gói mô hình công nghệ; chủ trì triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ; thúc đẩy các hoạt động khai thác, ứng dụng, thương mại hoá kết quả nghiên cứu và thúc đẩy đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng, liên vùng và địa phương.

2. Viện có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: Institute of Science and Technology Development for Regions (viết tắt là IRD).

3. Viện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động, giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Viện có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn, hằng năm và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Tham mưu chiến lược và quy hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vùng

a) Nghiên cứu, tổng hợp thực tiễn; đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương;

b) Tư vấn quy hoạch, thiết kế mô hình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp vùng và địa phương; xây dựng, chuẩn hóa và đề xuất nhân rộng các mô hình phát triển khoa học, công nghệ phù hợp điều kiện thực tiễn.

3. Nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ

a) Thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận, giải mã và làm chủ công nghệ phù hợp với nhu cầu phát triển của doanh nghiệp và địa phương, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ lõi, công nghệ tiên tiến và công nghệ phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh;

b) Tổ chức thử nghiệm, hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật; chuẩn hóa và đóng gói các mô hình công nghệ, mô hình sản xuất - kinh doanh ứng dụng công nghệ để chuyển giao và nhân rộng;

c) Chủ trì triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp và địa phương tiếp nhận, làm chủ, vận hành công nghệ; theo dõi, đánh giá hiệu quả sau chuyển giao.

4. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa công nghệ vùng

a) Tiếp nhận nhu cầu, bài toán công nghệ từ doanh nghiệp và địa phương; kết nối với các tổ chức khoa học và công nghệ, viện, trường và chuyên gia để tìm kiếm giải pháp phù hợp;

b) Tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, diễn đàn, hội chợ và sự kiện đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy hợp tác, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ;

c) Hỗ trợ doanh nghiệp và địa phương phát triển sản phẩm khoa học và công nghệ, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, thương hiệu và mở rộng thị trường; thúc đẩy kết nối với các quỹ đầu tư và đối tác chiến lược để huy động nguồn lực phát triển.

5. Phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo và cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ

a) Xây dựng và vận hành mạng lưới đối tác đổi mới sáng tạo vùng; phát triển cơ sở dữ liệu về chuyên gia và giải pháp công nghệ phục vụ nhu cầu của địa phương và doanh nghiệp;

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản trị công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp cho cán bộ quản lý và doanh nghiệp tại địa phương;

c) Cung cấp các dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, giám sát chất lượng môi trường, vật tư, sản phẩm nông nghiệp và các dịch vụ khác; tư vấn, đánh giá, giám định và trình diễn công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất.

6. Công tác quản trị đơn vị:

a) Quản lý tổ chức bộ máy, viên chức, người lao động, tài chính, tài sản của Viện theo phân cấp của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia và quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với các đơn vị trong Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia thực hiện các hoạt động ươm tạo, xúc tiến thương mại và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Viện:

a) Lãnh đạo Viện gồm Viện trưởng và các Phó Viện trưởng.

b) Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Viện.

c) Các Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng chỉ đạo, điều hành một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Công nghệ vùng (Regional Technology Division).

b) Phòng Đổi mới sáng tạo vùng (Regional Innovation Division).

c) Phòng Quy hoạch vùng (Regional Planning Division).

3. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Công nghệ vùng: Triển khai nghiên cứu phát triển, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cấp công nghệ, cải tiến quy trình và nâng cao năng suất; đồng hành kỹ thuật giúp doanh nghiệp làm chủ công nghệ sau chuyển giao.

b) Phòng Đổi mới sáng tạo vùng: Nhận đơn hàng, bài toán, yêu cầu, tư vấn chính sách đổi mới sáng tạo cho địa phương; xây dựng và vận hành mạng lưới đối tác cấp vùng; tổ chức diễn đàn, sự kiện kết nối; hỗ trợ doanh nghiệp địa phương thương mại hóa sản phẩm, mở rộng thị trường và thu hút đầu tư.

c) Phòng Quy hoạch vùng: Tham mưu chiến lược, thiết kế mô hình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp vùng; tư vấn quy hoạch, cơ chế vận hành và nhân rộng các mô hình phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Điều 4. Môi quan hệ công tác và chế độ phối hợp

1. Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng xác lập mối quan hệ công tác và thực hiện cơ chế phối hợp nghiệp vụ theo đúng các quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Hoạt động phối hợp được vận hành dựa trên nguyên tắc tuân thủ tuyệt đối phương thức quản trị tập trung và thống nhất của hệ sinh thái NACENTECH; bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời và tối ưu hóa hiệu quả thực thi nhiệm vụ chiến lược giữa các đơn vị thành viên trên cơ sở triệt tiêu tính cục bộ và tình trạng "cát cứ" nguồn lực.

2. Mọi hoạt động tương tác, cung ứng nguồn lực và phối hợp chuyên môn giữa các đơn vị phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản trị cùng hệ thống phân cấp thẩm quyền được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Viện có trách nhiệm chủ động thiết lập cơ chế trao đổi dữ liệu và chia sẻ nguồn lực trên nền tảng số tập trung; nhằm bảo đảm tính minh bạch, sự nhất quán và thông suốt trong công tác điều hành tổng thể của đơn vị chủ quản (NACENTECH).

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng được tiếp tục sử dụng con dấu trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực để thực hiện các thủ tục bàn giao, đối chiếu công nợ và quyết toán tài chính, tài sản với các đơn vị có liên quan (Văn phòng Viện và Trung tâm Thử nghiệm và Thương mại hóa công nghệ).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1436/QĐ-BKH-CN ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng.

Á
NG T
GIA

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Viện trưởng Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng và các cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định về mối quan hệ công tác tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trong quá trình vận hành, căn cứ vào dữ liệu thực chứng và yêu cầu quản trị thực tiễn, Viện trưởng Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng có trách nhiệm kịp thời tham mưu, đề xuất Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy định nhằm đảm bảo tính tương thích và hiệu quả hoạt động của đơn vị. /b

Nơi nhận:

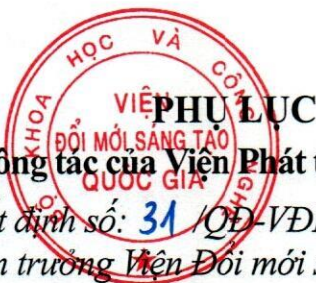
- Như Điều 7;
- Vụ TCCB (đề b/c);
- Viện trưởng và các PVT Viện ĐMSTQG;
- Các đơn vị trực thuộc Viện ĐMSTQG;
- Lưu: VT, VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Phạm Hồng Quát





PHỤ LỤC
Quy định mối quan hệ công tác của Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **31** /QĐ-VĐMSTQG ngày **10** tháng **03** năm 2026
của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia)

Điều 1. Vị trí và tư cách pháp nhân

1. Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng (sau đây gọi tắt là Viện) là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trực thuộc Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH). Viện vận hành theo cơ chế quản trị tập trung về định hướng chiến lược, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính tại NACENTECH, đồng thời được phân cấp tự chủ tối đa trong thực thi nghiệp vụ và triển khai các giải pháp đổi mới sáng tạo tại địa phương.

2. Viện là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng thương mại để thực hiện các giao dịch dân sự, tài chính và vận hành nghiệp vụ theo quy định của pháp luật. Viện chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hoạt động chuyên môn, các cam kết hợp đồng và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được phân cấp.

3. Viện được tổ chức và vận hành theo phương thức đơn vị điều phối mạng lưới, đóng vai trò hạt nhân tối ưu hóa chuỗi giá trị ĐMST tại các vùng kinh tế trong hệ sinh thái NACENTECH. Viện thực hiện chuyển đổi mô hình từ nghiên cứu hàn lâm truyền thống sang tổ chức định hướng thị trường và thực thi chính sách; xác lập hiệu quả thương mại hóa công nghệ, chỉ số lan tỏa tác động kinh tế vùng và năng lực giải quyết các bài toán thực tiễn của địa phương làm thước đo giá trị cốt lõi để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị và vận hành hệ thống dựa trên nền tảng số

1. **Quản trị số hóa dựa trên nền tảng tích hợp (Platform-based Management):** Viện thực hiện cơ chế quản lý, điều hành tác nghiệp và hạch toán kinh tế tập trung hóa thông qua nền tảng quản trị kỹ thuật số thống nhất của NACENTECH. Toàn bộ các quy trình về kế toán tài chính, quản trị nghiệp vụ chuyên sâu, điều phối nhân sự và kiểm soát vòng đời tài sản phải được cập nhật, xử lý thời gian thực trên hệ thống nhằm bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch dữ liệu và tối ưu hóa hiệu năng vận hành trong toàn hệ thống. Việc duy trì và khai thác dữ liệu trên nền tảng số là yêu cầu bắt buộc, đóng vai trò là hệ điều hành lõi để thực thi các mục tiêu chiến lược của đơn vị.

2. Cơ chế tối ưu hóa nguồn lực dùng chung (Shared Resources): Viện vận hành theo mô hình quản trị nguồn lực linh hoạt, không xác lập quyền sở hữu cục bộ đối với nhân sự và hạ tầng kỹ thuật; mọi nguồn lực con người và nền tảng hạ tầng đều được đặt dưới quyền điều phối tổng thể của hệ thống NACENTECH. Đội ngũ chuyên gia và trang thiết bị công nghệ được điều tiết năng động, căn cứ theo tiến độ thực tế và nhu cầu nghiệp vụ của từng Nhóm nhiệm vụ/dự án (Project Team) nhằm xóa bỏ triệt để tư duy "cát cứ", gia tăng chỉ số khai thác tài sản và cộng hưởng sức mạnh tri thức hỗ trợ địa phương.

3. Đánh giá hiệu suất dựa trên dữ liệu xác thực (KPI): Kết quả thực thi nhiệm vụ của viên chức và người lao động được xác lập, lưu trữ và thẩm định khách quan thông qua hệ thống chỉ số hiệu suất (KPI) dựa trên dữ liệu xác thực từ nền tảng số. Đây là căn cứ pháp lý và dữ liệu thực chứng duy nhất quyết định việc điều tiết nguồn lực, định biên nhân sự động, cũng như thực hiện các quy trình về đánh giá năng lực, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ theo định hướng quản trị dựa trên kết quả đầu ra và tác động kinh tế - xã hội.

Điều 3. Quyền hạn trong việc khai thác và điều phối nguồn lực

1. Quyền khai thác hạ tầng kỹ thuật và chuyên gia hệ thống: Viện được xác lập quyền ưu tiên đăng ký, khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phòng thí nghiệm chuyên sâu (Lab), trang thiết bị dùng chung và huy động nguồn lực trí tuệ từ mạng lưới chuyên gia thuộc hệ thống quản trị tập trung của NACENTECH. Quy trình khai thác nguồn lực được thực hiện thông qua cơ chế ghi danh và phê duyệt trực tuyến thời gian thực trên nền tảng quản trị số, nhằm đảm bảo tính kịp thời trong thực thi nhiệm vụ tại địa phương và tối ưu hóa hiệu suất khai thác tài sản công của toàn hệ sinh thái.

2. Quyền đề xuất điều động nhân sự và biệt phái chuyên gia: Trong quá trình triển khai các chương trình đổi mới sáng tạo quy mô lớn hoặc các dự án có tính chất đặc thù vùng, liên vùng, Viện được quyền chủ động đề xuất với Lãnh đạo Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia về việc điều động, biệt phái hoặc luân chuyển nhân sự từ các đơn vị thành viên trong hệ thống. Cơ chế điều phối này nhằm mục tiêu hình thành các "nhóm dự án đặc trách", tập trung hóa trí tuệ đa ngành để giải quyết các bài toán nghiệp vụ phức tạp và bảo đảm tiến độ thực thi các cam kết chiến lược của Viện đối với địa phương.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức theo mô hình Nhóm Dự án (Project Team)

1. Lãnh đạo Viện: Viện trưởng và các Phó Viện trưởng.

2. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Phòng Công nghệ vùng (Regional Technology Division).
- b) Phòng Đổi mới sáng tạo vùng (Regional Innovation Division).
- c) Phòng Quy hoạch vùng (Regional Planning Division).

3. **Các Nhóm Dự án (Project Teams):** Viện vận hành theo mô hình quản trị ma trận, trong đó các phòng chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhân sự theo nghiệp vụ, còn hoạt động thực thi nhiệm vụ được tổ chức thông qua các Nhóm dự án đặc trách do Viện trưởng quyết định thành lập căn cứ trên yêu cầu thực tiễn. Khi triển khai nhiệm vụ, nhân sự từ các phòng chuyên môn và các chuyên gia phù hợp trong hệ thống sẽ được điều phối tham gia nhóm dự án để tập trung hóa nguồn lực giải quyết các mục tiêu cụ thể tại địa phương; đồng thời, nhóm dự án được quyền ưu tiên đăng ký khai thác hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị dùng chung thông qua nền tảng quản trị số của NACENTECH. Toàn bộ chi phí vận hành và chỉ số hiệu suất (KPI) của từng thành viên được hạch toán độc lập và lưu vết theo dự án trên nền tảng; sau khi kết thúc nhiệm vụ hoặc nghiệm thu giai đoạn, nhân sự được điều động sẽ thực hiện thủ tục hoàn trả nhiệm vụ và quay trở về đơn vị quản lý chuyên môn để sẵn sàng cho các chu kỳ điều động kế tiếp.

4. **Nhân sự chuyên gia:** Bao gồm biên chế và chuyên gia thuê ngoài, được điều phối dựa trên năng lực và KPI ghi nhận trên hệ thống.

Điều 5. Quy định về chuyển tiếp, bàn giao, kế thừa và xử lý nguồn lực

1. **Kế thừa pháp lý về chức năng và nhiệm vụ:** Viện thực hiện tiếp nhận và kế thừa nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ cùng tư cách pháp nhân từ Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng tiền thân trực thuộc Viện Ứng dụng công nghệ nhằm bảo đảm tính liên tục và tính hệ thống của định chế. Viện chịu trách nhiệm toàn diện trong việc thực thi các hợp đồng, dự án và nhiệm vụ khoa học công nghệ đang triển khai, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và thực hiện nghiêm túc các cam kết dân sự đối với đối tác trong giai đoạn chuyển đổi.

2. **Cơ chế rà soát và kiện toàn nguồn nhân lực:** Viện thực hiện phương án bố trí nhân sự căn cứ trên kết quả rà soát, định biên dựa trên năng lực thực tế và mức độ tương thích với yêu cầu nhiệm vụ của Nhóm dự án đặc trách trong giai đoạn mới, không áp dụng hình thức tiếp nhận nhân sự nguyên trạng. Đối với các trường hợp không đáp ứng chỉ số hiệu suất (KPI) hoặc không phù hợp với định hướng quản trị động của hệ sinh thái, Lãnh đạo NACENTECH thực hiện điều động, sắp xếp lại vị trí công tác hoặc chấm dứt nhiệm vụ theo đúng quy định quản lý cán bộ và quy chuẩn quản trị nhân sự hiện đại của NACENTECH.

3. **Quản lý tài sản và hạ tầng kỹ thuật theo mô hình tập trung:** Toàn bộ hệ thống tài sản, trang thiết bị và hạ tầng phòng thí nghiệm (Lab) từ đơn vị tiền thân được bàn giao về Văn phòng Viện (NACENTECH) để thực hiện quản lý tập trung và đưa vào khai thác dưới hình thức nguồn lực dùng chung nhằm tối ưu hóa hiệu suất sử dụng. Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng thực hiện quyền khai thác và sử dụng các nguồn lực này căn cứ trên nhu cầu thực tế của các dự án thông qua quy trình đăng ký, điều phối và hạch toán chi phí sử dụng trực tuyến trên nền tảng quản trị số chung của NACENTECH.

Điều 6. Cơ chế quản trị hạ tầng và điều phối không gian làm việc

1. **Nguyên tắc quản lý hạ tầng tập trung:** Viện thực hiện cơ chế khai thác hạ tầng dựa trên quyền sử dụng, không xác lập quyền sở hữu riêng biệt hoặc định biên cố định đối với cơ sở hạ tầng và không gian làm việc. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và mặt bằng làm việc được đặt dưới sự quản lý tập trung của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) nhằm thực hiện mục tiêu chuẩn hóa và tối đa hóa hiệu quả sử dụng tài sản chung trong hệ thống.

2. **Cơ chế điều tiết không gian theo quy mô nhiệm vụ:** Diện tích và vị trí làm việc được điều phối linh hoạt, căn cứ trên dữ liệu thực chứng về quy mô dự án và định biên nhân sự triển khai thực tế tại từng thời điểm. Văn phòng NACENTECH chủ trì rà soát, điều tiết chỉ tiêu không gian làm việc theo từng giai đoạn dự án, bảo đảm sự tương xứng tối ưu giữa nguồn lực hạ tầng và khối lượng nhiệm vụ thực tế của Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng.

3. **Trách nhiệm đảm bảo điều kiện vận hành và duy tu:** Văn phòng NACENTECH giữ vai trò là đơn vị đầu mối cung ứng dịch vụ hạ tầng, chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị và bảo đảm các tiêu chuẩn vận hành chuẩn mực cho môi trường tác nghiệp. Việc cung ứng, điều phối và nâng cấp được thực hiện căn cứ trên nhu cầu đăng ký chính thức của Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng thông qua hệ thống quản trị nền tảng số tập trung.

Điều 7. Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) và quản trị mục tiêu

1. **Quy định về tính thống nhất và bắt buộc của hệ thống KPI:** Toàn thể viên chức quản lý và người lao động thuộc Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng có trách nhiệm tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành và hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) được thiết lập định danh trên nền tảng quản trị số tập trung của NACENTECH. Việc ghi nhận, cập nhật dữ liệu tác nghiệp và xác lập kết quả công tác trên nền tảng là nghĩa vụ hành chính bắt buộc, nhằm bảo đảm tính minh bạch, khách quan và duy trì tính liên tục của dữ liệu thực chứng trong suốt quá trình thực thi nhiệm vụ chuyên môn và dịch vụ khoa học công nghệ.

2. **Giá trị pháp lý của kết quả đánh giá KPI:** Chỉ số hiệu suất (KPI) được thu thập từ nền tảng số là căn cứ pháp lý và dữ liệu thực chứng để thực hiện hạch toán thu nhập theo hiệu quả công việc, xét duyệt các chế độ khen thưởng, phúc lợi và phân phối quỹ thu nhập tăng thêm. Đồng thời, kết quả đánh giá này là thước đo định lượng trọng yếu để thẩm định năng lực thực tiễn, làm cơ sở cho công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm hoặc đánh giá mức độ tương xứng đối với vị trí việc làm hiện tại của đội ngũ nhân sự trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Điều 8. Quy định về điều động, bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự

1. **Cơ chế miễn nhiệm dựa trên chỉ số hiệu suất (KPI):** Cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị trực thuộc Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng có trách nhiệm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu hiệu suất công việc được giao. Trường hợp kết quả đánh giá KPI không đạt yêu cầu theo quy định, cá nhân giữ chức vụ quản lý thực hiện chế độ từ nhiệm hoặc được cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm để thực hiện việc kiện toàn nhân sự phù hợp, đảm bảo tính liên tục và hiệu quả trong hoạt động quản trị của đơn vị.

2. **Thẩm quyền điều động nhân sự linh hoạt trong hệ sinh thái :** Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) thực hiện quyền điều động, biệt phái cán bộ, nhân viên thuộc Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng tham gia các nhiệm vụ chiến lược và dự án liên ngành trong toàn hệ sinh thái vào bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu thực tế. Phương thức điều phối này nhằm tối ưu hóa giá trị gia tăng của mạng lưới chuyên gia và xác lập cơ chế huy động nguồn lực linh hoạt, bảo đảm thực thi thắng lợi các mục tiêu chung của hệ sinh thái NACENTECH tại các vùng kinh tế trọng điểm.

Điều 9. Cơ chế tự chủ tài chính

1. **Quyền tự chủ và trách nhiệm tài chính:** Viện vận hành theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ của NACENTECH. Viện xác lập phương thức quản trị tài chính hiện đại dựa trên nguyên tắc minh bạch dữ liệu, tối ưu hóa dòng vốn lưu động và gia tăng hiệu suất sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển; đồng thời thực hiện trách nhiệm giải trình về hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án trước cấp có thẩm quyền thông qua nền tảng quản trị số tập trung.

2. **Cơ cấu nguồn thu chiến lược:** Nguồn thu của Viện được hình thành từ năng lực thực thi dự án và khai thác hạ tầng kỹ thuật vùng, bao gồm: Doanh thu từ dịch vụ tư vấn chiến lược, thiết kế và chuyên gia giải pháp kỹ thuật tổng thể; phí điều phối mạng lưới, quản trị dự án quy mô lớn và kết nối đầu tư khoa học

công nghệ; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, giải mã và ứng dụng công nghệ các cấp; nguồn thu từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu và chuyển giao tri thức; cùng các khoản thu hợp pháp khác từ dịch vụ kiểm định, phân tích kỹ thuật, cung ứng dữ liệu số và hạch toán khai thác hệ thống phòng thí nghiệm, trang thiết bị dùng chung trong hệ sinh thái NACENTECH.

3. Cơ chế hạch toán sử dụng nguồn lực dùng chung: Viện thực hiện hạch toán chi phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm và trang thiết bị dựa trên thời gian khai thác thực tế và định mức vận hành chuẩn hóa. Các khoản chi phí này được khấu trừ nội bộ và chuyển hoàn cho đơn vị quản lý vận hành hạ tầng (Văn phòng Viện) thông qua hệ thống kế toán tích hợp trên nền tảng số. Việc hạch toán này đảm bảo tính chính xác trong việc xác định giá thành dịch vụ khoa học công nghệ và tối ưu hóa chi phí đầu tư cho từng nhóm dự án.

Điều 10. Quản trị giao dịch và hạch toán trên nền tảng số

1. Quy định về tính minh bạch dữ liệu tài chính: Toàn bộ các giao dịch tài chính, hệ thống hợp đồng kinh tế và định mức chi phí phát sinh trong quá trình triển khai dự án phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác trên nền tảng quản trị số tập trung của NACENTECH. Việc lưu trữ và hạch toán dữ liệu trên nền tảng số là yêu cầu bắt buộc nhằm thiết lập cơ sở dữ liệu thực chứng cho công tác kiểm soát nội bộ và báo cáo tài chính của Viện.

2. Cơ chế giám sát và điều phối tập trung: Dữ liệu tài chính trên nền tảng số là căn cứ duy nhất để đơn vị chủ quản (NACENTECH) thực hiện chức năng giám sát, điều phối nguồn lực và phê duyệt các định mức đầu tư cho toàn hệ sinh thái NACENTECH. Việc tuân thủ quy trình hạch toán số hóa đảm bảo tính thống nhất trong quản trị, tối ưu hóa dòng tiền và là cơ sở để Viện thực hiện các quyền hạn về tự chủ tài chính theo quy định.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quy định này là văn bản định chế cơ bản xác lập các nguyên tắc tổ chức và mối quan hệ công tác của Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng. Mọi cán bộ, nhân viên và chuyên gia khi tham gia công tác tại Viện có trách nhiệm tuân thủ tuyệt đối các quy định về khai thác nguồn lực dùng chung, cơ chế điều phối nhân sự và hệ thống quản trị chỉ số hiệu suất (KPI) trên nền tảng số theo quy định của NACENTECH.

3. Viện trưởng Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng phối hợp với Chánh Văn phòng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình vận hành, căn cứ trên dữ liệu thực chứng và báo cáo hiệu quả từ nền tảng quản trị số, Viện trưởng Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ Vùng có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu và báo cáo Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung Quy định nhằm đảm bảo sự tương thích với thực tiễn hoạt động và định hướng chiến lược của hệ sinh thái NACENTECH./.

